TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 504/2023/HS-PT
Ngày: 25/10/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: ông Trần Đức Kiên

ông Đinh Phước Hoà

- *Thư ký phiên tòa*: ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm: trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần: trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 475/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Đỗ Kim T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Do có kháng cáo của bị cáo Đỗ Kim T và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2023/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2023.

1. Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Đỗ Kim T, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1991 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Đỗ Kim H và con bà Nguyễn Thị N; có vợ tên là Phạm Thị Kiều T1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015 và con nhỏ sinh năm 2022; tiền án: không.

Tiền sự: ngày 26/01/2022 bị Phòng C1 Công an tỉnh P xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.256.000 đồng về hành vi "Vi phạm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai".

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/01/2023, có mặt tại phiên toà.

2. Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Kim T: Luật sư Nguyễn Hương Q – Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh P; địa chỉ: C M, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên, có mặt tại phiên toà.

3. Bị hại có kháng cáo:

3.1. Trần Thị H1, sinh ngày 05/4/1984; nơi cư trú: 841/5/6 Quốc lộ A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên toà.

3.2. Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 04/3/1994; nơi đăng ký thường trú: xóm G, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định ; chỗ ở hiện nay : D N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Lê Quốc D, sinh ngày 12/4/1989; nơi đăng ký thường trú: tổ dân phố Số A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa ; chỗ ở hiện nay: F T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3.4. Hoàng Thị Như H2, sinh ngày 01/01/1989; nơi cư trú: 22/35 đường A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Nguyễn Khánh T2, sinh ngày 21/3/1993; nơi cư trú: F Q, quận T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của Trần Thị Ngọc Á, Lê Quốc D, Hoàng Thị Như H2, Nguyễn Khánh T2: Trần Thị H1, sinh ngày 05/4/1984; nơi cư trú: 841/5/6 Quốc lộ A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên toà.

(ngoài ra, trong vụ án này còn có một số bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo của bị cáo, bị hại khác nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung được tóm tắt như sau:

Từ năm 2020 đến năm 2022, thông qua việc giới thiệu mua bán đất trên địa bàn huyện T, tỉnh Phú Yên. Đỗ Kim T đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của 08 bị hại với tổng số tiền 1.984.000.000 đồng (một tỷ chín trăm tám mươi tư triệu đồng). Cụ thể như sau:

Tháng 10/2020, ông Phạm Văn T3 nhờ Đỗ Kim T giới thiệu người để mua thửa đất có diện tích khoảng 13.000m^2 tại xã A và xã A, huyện T với giá 1.000.000.000 đồng. Đến cuối tháng 10/2020, theo sự giới thiệu của T, Trần Thị Ngọc L đồng ý mua thửa đất này. Ngày 29/10/2023, T dẫn L đến gặp ông Phạm Văn T3 đặt cọc 100.000.000 đồng và ký Hợp đồng đặt cọc tiền mua đất. Do đã có ý định chiếm đoạt tiền của L nên T3 đến gặp L nói dối ông Phạm Văn T3 đòi thêm 50.000.000 đồng tiền đặt cọc. Để L không nghi ngờ T3 nói L đưa lại bản Hợp đồng đặt cọc tiền mua đất để đưa ông Phạm Văn T3 ký xác nhận đã nhận thêm tiền đặt cọc. Do tin tưởng T3 nói thật nên L đã đưa 50.000.000 đồng kèm theo Hợp đồng đặt cọc tiền mua đất

cho T3. Sau khi nhận tiền, T3 không đưa cho ông Phạm Văn T3 mà chiếm đoạt sử dụng cá nhân rồi tự viết thêm dòng chữ "đã nhận đủ 150.000.000 đồng" vào phía dưới chữ ký của ông Phạm Văn T3 trong Hợp đồng đặt cọc tiền mua đất rồi đưa lại cho L. Để tiếp tục chiếm đoạt tiền của L, T3 nói dối Ly là cùng góp vốn mua đất của ông Phạm Văn T3. T3 sẽ đứng ra lo thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng T3 không có tiền góp nên đề nghị L cho T3 mượn tiền. Do tin tưởng lời T3 nói là thật nên từ tháng 11/2020 đến tháng 9/2021, L nhiều lần đưa tiền cho T3 với tổng số tiền 90.000.000 đồng. T3 chiếm đoạt sử dụng cá nhân mà không làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã hứa. Tổng số tiền T3 chiếm đoạt của L là 140.000.000 đồng.

Tháng 02/2021, do muốn chiếm đoạt tiền của Hồ Hoàng C nên T3 dẫn C đến khu đất nêu trên của ông Phạm Văn T3 để giới thiệu bán đất. T3 nói đây là đất của T3, cam kết làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên C đồng ý mua. Ngày 29/3/2021, C đặt cọc cho T3 60.000.000 đồng để mua thửa đất này với giá 1.400.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền đặt cọc, Đỗ Kim T nhiều lần nói dối là đang làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cần tiền chi trả các chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục nên yêu cầu C đưa thêm tiền. Do tin tưởng T nên từ tháng 5/2021 đến tháng 8/2021, C đã nhiều lần đưa tiền cho T với tổng số tiền 175.000.000 đồng. Ngày 02/4/2021, T giới thiệu cho C mua hai thửa đất thuộc thôn M, xã A, huyện T của ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn T4. Để chiếm đoạt tiền của C, chiều cùng ngày T đến gặp ông S và ông T4 thương lượng sẽ mua hai thửa đất này với giá 775.000.000 đồng. ông S và ông T4 đồng ý nên T đặt cọc 20.000.000 đồng và xin chụp ảnh bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó gửi ảnh cho C và báo giá bán là 900.000.000 đồng. T nói dối C là nếu để T thay mặt C đứng tên chuyển nhượng thì sẽ mua được với giá 800.000.000 đồng vì ông T4, ông S là ông ngoại họ của T, nên C đồng ý. Ngày 09/4/2021, C và T ký văn bản thỏa thuận về việc C nhờ T đứng ra nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên của ông S, ông T4 với giá 800.000.000 đồng, sau đó T chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho C. Từ tháng 4/2021 đến tháng 7/2021 theo yêu cầu của T, C nhiều lần đưa tiền cho T với tổng số tiền 721.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này T chiếm đoạt sử dụng cá nhân nhưng không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông S và ông T4 cho C như đã thỏa thuận. Tổng số tiền T chiếm đoạt của C là 956.000.000 đồng.

Tháng 9/2021 thông qua C, T giới thiệu Lê Thiên T5 mua thửa đất của ông Phạm K ở thôn M, xã A, huyện T. Sau đó, T5 và T ký văn bản thỏa thuận về việc T5 nhờ T giao dịch mua đất với ông K. Do muốn chiếm đoạt tiền của T5 nên T không giao dịch với ông K mà nói dối chủ đất đồng ý bán với giá 1.280.000.000 đồng, yêu cầu đặt cọc trước số tiền 280.000.000 đồng. Ngày 28/9/2021 T5 chuyển vào tài khoản của anh C 280.000.000 đồng, rồi C chuyển cho T 200.000.000 đồng và T chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Để T5 không nghi ngờ, T tự soạn Hợp đồng đặt cọc tiền mua đất giữa T với ông K, rồi tự ký tên T và ông K, chụp ảnh Hợp đồng gửi qua tin nhắn Zalo cho T5. Ngày 27/12/2021, T giới thiệu cho T5 mua thửa đất của ông

Nguyễn T6 tại thôn P, xã A, huyện T với giá 320.000.000 đồng. T5 đồng ý nên chuyển khoản cho T 70.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T không đặt cọc cho ông T6 mà chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Ngày 29/12/2021, T tìm kiếm trên facebook ảnh chụp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 392 thuộc tờ bản đồ số 12 ở xã A, huyện T của ông Phạm T7 rồi gửi ảnh qua tin nhắn Zalo cho T5 xem, giới thiệu T5 mua thửa đất này. T nói dối chủ đất đồng ý bán đất với giá 80.000.000 đồng, yêu cầu đặt cọc trước 15.000.000 đồng. T5 đồng ý mua đất nên chuyển khoản cho T 15.000.000 đồng nhờ T đặt cọc cho ông T7. Sau khi nhận tiền, T chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Ngày 01/01/2022, T tiếp tục giới thiệu cho T5 mua thửa đất của ông Phan Đình T8 tại xã A, huyện T với số tiền 825.000.000 đồng. T5 đồng ý mua nên chuyển khoản cho T 130.000.000 đồng nhờ T đặt cọc cho ông T8. Sau khi nhận tiền, T chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Ngày 06/01/2022, T tự bịa đặt ra thông tin về người không có thật tên Nguyễn Nề t tại xã A, T có thửa đất tại khu vực đầm Ô thuộc xã A, huyện T và giới thiệu T5 mua thửa đất này với giá 80.000.000 đồng. T5 đồng ý nên chuyển khoản cho T 10.000.000 đồng nhờ T đặt cọc mua đất. Sau khi nhận tiền, T chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Ngày 14/01/2022, T tiếp tục bịa đặt ra thông tin về người không có thật tên Nguyễn Ngọt t1 tại xã A, T có thửa đất tại khu vực đầm Ô thuộc xã A, huyện T và giới thiệu T5 mua với giá 480.000.000 đồng. T5 đồng ý mua nên chuyển khoản cho T 80.000.000 đồng để đặt cọc. Sau khi nhận tiền, T chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Tháng 3/2022 T tiếp tục tải từ mạng xã hội Facebook ảnh chụp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại xã A, T của ông Phạm Đình H3 gửi cho T5. T5 đồng ý mua nên chuyển khoản cho T 90.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Ngày 14/4/2022, T giới thiệu T5 mua thửa đất tại xã A, huyện T của ông Nguyễn H4 với giá 250.000.000 đồng. T5 đồng ý mua, chuyển khoản cho T 50.000.000 đồng. T chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Đến cuối tháng 4/2022, T5 nghi ngờ nên T làm giả các Hợp đồng đặt cọc giữa T với các chủ đất, gửi bản sao cho T5 xem. Khi T5 yêu cầu cung cấp bản gốc thì T nói đã đem đi làm thủ tục chuyển nhượng và trốn tránh T5. Tổng số tiền T chiếm đoạt của T5 là 725.000.000 đồng.

Do muốn chiếm đoạt tiền của Trần Thị H1 nên tháng 12/2021, Đỗ Kim T nói dối thửa đất của ông Nguyễn Đức T9 tại khu vực đèo Q thuộc xã A, huyện T là của T bán cho H1 với giá 70.000.000 đồng. Ngày 18/12/2021, H1 đặt cọc 20.000.000 đồng và T chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Ngày 04/01/2022, T nói dối thửa đất của ông Phạm Tấn Đ tại khu vực đèo Q thuộc hai xã A và A, huyện T là đất của T bán cho H1, Trần Thị Ngọc Á và Lê Quốc D với giá 220.000.000 đồng. H1, Á và D đồng ý mua đất nên đặt cọc 70.000.000 đồng (trong đó H1 30.000.000 đồng, Á, anh D mỗi người 20.000.000 đồng) và T chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Ngày 12/5/2022, T tiếp tục nói dối thửa đất của ông Phạm Văn T3 tại khu vực đèo Q thuộc xã A và xã A, huyện T là đất của T3 bán cho H1, Á, D, Nguyễn Khánh T2 và Hoàng Thị Như H2 với giá 820.000.000 đồng. H1, Á, D, T2 và H2 đồng ý mua đất nên đã cùng góp vốn mỗi người 14.000.000 đồng được tổng cộng 70.000.000 đồng đưa cho T3 để đặt cọc mua đất. Sau khi nhận tiền, T3 chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Đến cuối tháng

10/2022, T3 nói dối rằng đang sở hữu một thửa đất có diện tích khoảng 3.500m^2 tại khu vực đèo Q, huyện T (thửa đất này không có thật trên thực tế) rồi giới thiệu bán cho Trần Thị H1 với giá 20.000.000 đồng. Ngày 03/11/2022, H1 đồng ý mua nên chuyển khoản cho T3 3.000.000 đồng và T3 chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Tổng số tiền T3 đã chiếm đoạt của H1 là 67.000.000 đồng, của Á là 34.000.000 đồng, của D là 34.000.000 đồng, của T2 là 14.000.000 đồng và của H2 là 14.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 489/KL-KTHS ngày 30/12/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh P, kết luận: chữ viết ghi "đã nhận đủ 150.000.000đ..." trên "Hợp đồng đặt cọc tiền mua đất" đề ngày 29 tháng 10 năm 2020 là của Đỗ Kim T; chữ viết, chữ ký mang tên "Đỗ Kim T" trên các Hợp đồng đặt cọc, Giấy nhận tiền, văn bản thỏa thuận, Hợp đồng góp vốn là của Đỗ Kim T.

Kết luận giám định số 246/KL-KTHS ngày 13/6/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh P, kết luận: chữ viết, chữ ký "Đỗ Kim T" trên Hợp đồng đặt cọc và thỏa thuận mua bán đất, Hợp đồng đặt cọc tiền mua đất, văn bản thỏa thuận V/v nhờ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy viết tay đề ngày 18/12/2021, Giấy mượn tiền đề ngày 13/5/2022 là của Đỗ Kim T.

Kết luận giám định số 257/KL-KTHS ngày 17/6/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh P kết luận: dấu vân tay bằng mực màu đỏ dưới chữ ký ghi họ và tên Đỗ Kim T trên các Hợp đồng đặt cọc và thỏa thuận mua bán đất đề ngày 04/01/2022, ngày 12/5/2022, ngày 28/3/2022; văn bản thỏa thuận V/v nhờ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 27/9/2021 là dấu vân tay của Đỗ Kim T.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2023/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Đỗ Kim T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Phạt: bị cáo Đỗ Kim T – 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 06/01/2023).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 bị cáo Đỗ Kim T kháng cáo bản án sơ thẩm xin giảm hình phạt.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 các bị hại Trần Thị H1, Trần Thị Ngọc Á, Lê Quốc D, Hoàng Thị Như H2, Nguyễn Khánh T2 kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm tăng hình phạt bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Đỗ Kim T; bị hại Trần Thị H1 đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của các bị hại Trần Thị Ngọc Á, Lê Quốc D, Hoàng Thị Như H2, Nguyễn Khánh T2 trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo Đỗ Kim Tùng và của các bị hại Trần Thị H1, Trần Thị Ngọc Á, Lê Quốc D, Hoàng Thị Như H2, Nguyễn Khánh T2 là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đỗ Kim T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội. Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo 13 (mười ba) năm tù là thoả đáng, không nhẹ. Về phần trách nhiệm dân sự, bị cáo bồi thường một phần cho các bị hại và bản án sơ thẩm đã tuyên rất rõ và cụ thể. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các bị hại liên hệ với Cục Thi hành án dân sự để được giải quyết về phần trách nhiệm dân sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh tụng: về mặt tội danh tôi thống nhất không có ý kiến gì. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, bồi thường một phần cho các bị hại. Tại phiên tòa bị cáo hứa cải tạo tốt để sớm trở về tiếp tục bồi thường cho các bị hại, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, con nhỏ, là lao động chính. Đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm hình phạt cho bị cáo và không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của các bị hại đối với bị cáo. Bị cáo T thống nhất và không có ý kiến gì.

bị hại Trần Thị Hoài tranh tụng: không đồng ý quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu. Đến thời điểm hiện tại chúng tôi chưa nhận được tiền bồi thường từ bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chúng tôi tăng hình phạt đối với bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 bị cáo Đỗ Kim T kháng cáo bản án sơ thẩm xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 07 tháng 9 năm 2023 các bị hại Trần Thị H1, Trần Thị Ngọc Á, Lê Quốc D, Hoàng Thị Như H2, Nguyễn Khánh T2 kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Như vậy kháng cáo của bị cáo, các bị hại là trong thời hạn luật định. Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và tại phiên toà xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo Đỗ Kim T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thể hiện: từ năm 2020 đến 2022 Đỗ Kim T đã dùng thủ đoạn gian dối trong việc giới thiệu chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất trên địa bàn huyện T, tỉnh Phú Yên nhằm để chiếm đoạt của 08 bị hại mua đất với tổng số tiền là 1.984.000.000đ (một tỷ chín trăm tám mươi tư triệu đồng). Trong đó, chiếm đoạt của bị hại Hồ Hoàng C 956.000.000đ; bị hại Lê Thiên T5 725.000.000đ; bị hại Trần Thị Ngọc L 140.000.000đ; bị hại trần Thị Hoài 67.000.000đ; bị hại Trần Thị Ngọc Á, Lê Quốc D mỗi người 34.000.000đ; bị hại Nguyễn Khánh T2, Hoàng Thị Như H2 mỗi người 14.000.000đ.

Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các bản Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2023/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã xét xử và kết án bị cáo Đỗ Kim T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2.2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Bị cáo Đỗ Kim T đã chiếm đoạt của 08 bị hại với tổng số tiền là 1.984.000.000đ (một tỷ chín trăm tám mươi tư triệu đồng) nên phạm vào điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Kim T là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá về hành vi thực hiện tội phạm, hậu quả, nhân thân và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đỗ Kim T là đúng pháp luật. Từ đó xử phạt bị cáo 13 (mười ba) năm tù là thỏa đáng. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay bị cáo Đỗ Kim T không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của các bị hại:

Như nội dung đã được phân tích tại mục [2] nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo bị cáo Đỗ Kim T 13 năm tù là thoả đáng, không nhẹ. Do vậy không chấp nhận kháng cáo của các bị hại đề nghị tăng hình phạt bị cáo.

[4] Với những nội dung đã được nhận định, phân tích tại các mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Kim T và kháng cáo của các bị hại Trần Thị H1, Trần Thị Ngọc Á, Lê Quốc D, Hoàng Thị Như H2, Nguyễn Khánh T2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Đỗ Kim T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Kim T và kháng cáo của các bị hại Trần Thị H1, Trần Thị Ngọc Á, Lê Quốc D, Hoàng Thị Như H2, Nguyễn Khánh T2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố: bị cáo Đỗ Kim T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Kim T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 06/01/2023.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Đỗ Kim T phải chịu 200.000đ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Phú Yên;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Quốc Cường